

Số: 1040/GP-UBND

Sơn La, ngày 22 tháng 5 năm 2020

GIẤY PHÉP KHAI THÁC, SỬ DỤNG NƯỚC MẶT

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước; Nghị định của Chính phủ Quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường (theo Văn bản hợp nhất số 09/VBHN-BTNMT ngày 28 tháng 11 năm 2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường);

Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước; Thông tư số 47/2017/TT-BTNMT ngày 07 tháng 11 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định việc giám sát, sử dụng tài nguyên nước;

Căn cứ QCVN 08-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt; QCVN 01:2009/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống;

Căn cứ Quyết định số 1884/QĐ-UBND ngày 28 tháng 8 năm 2012 của UBND tỉnh Sơn La phê duyệt Quy hoạch phân bổ tài nguyên nước mặt, tài nguyên nước dưới đất tỉnh Sơn La đến năm 2020, định hướng đến năm 2025;

Xét Đơn đề nghị cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt của Công ty cổ phần VBIC Sơn La và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 348/Tr-STNMT ngày 19 tháng 5 năm 2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty cổ phần VBIC Sơn La (địa chỉ: Số 55 đường Tô Hiệu, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La) khai thác, sử dụng nước mặt với những nội dung sau:

1. Tên công trình: Nhà máy nước Nậm La, xã Hua La, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La.

2. Mục đích khai thác, sử dụng nước: Cấp nước phục vụ nhu cầu sinh hoạt và ăn uống cho nhân dân xã Hua La và thành phố Sơn La.

3. Nguồn nước khai thác, sử dụng: Suối Nậm La, phụ lưu cấp 2 của sông Đà.

4. Vị trí công trình khai thác: Xã Hua La, thành phố Sơn La. Tọa độ theo VN2000, kinh tuyến trực 104^0 , múi chiều 3^0 : $X = 2355648$; $Y = 490037$.

5. Lượng nước khai thác, sử dụng: $5.000 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

6. Chế độ khai thác: 24 h/ngày đêm, 365 ngày/năm.

7. Phương thức khai thác, sử dụng: Bơm

- Các hạng mục chính gồm:

- + Hồ thu nước;
- + Trạm bơm cấp 1;
- + Bể lắng ngang 200 m^3 ;
- + Bình lọc áp lực: 08 bình;
- + Bể chứa nước sạch;
- + Trạm bơm cấp 2.
- + Hệ thống đường ống phân phối nước.

- Quy trình vận hành, xử lý nước: Nước thô từ suối Nậm La được trạm bơm cấp 1 bơm lên trạm xử lý tại nhà máy, sau đó được sử dụng hóa chất PAC để lắng cặn rồi chảy sang bể lắng ngang. Sau đó, nước chảy sang máng thu và được bơm lên bình lọc áp lực. Nước sau khi lọc qua vật liệu lọc được khử trùng bằng dung dịch clo rồi chảy sang bể chứa nước sạch. Từ đây, nước được bơm qua trạm bơm cấp 2 vào hệ thống đường ống phân phối nước sinh hoạt.

8. Thời hạn khai thác: 10 năm (*mười năm*) tính từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 2. Các yêu cầu cụ thể đối với Công ty cổ phần VBIC Sơn La:

1. Tuân thủ các nội dung quy định tại Giấy phép này; nếu thay đổi nội dung quy định tại Giấy phép này phải được cơ quan cấp phép đồng ý bằng văn bản.

2. Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2, Điều 43 của Luật Tài nguyên nước.

3. Tuân thủ phương án thiết kế, xử lý nước đảm bảo quy chuẩn hiện hành cho mục đích sử dụng.

4. Lắp đặt thiết bị kiểm soát lưu lượng khai thác, sử dụng. Quan trắc, giám sát việc khai thác, sử dụng nước theo qui định tại Điều 28 Luật Tài nguyên nước năm 2012. Cụ thể:

- 01 điểm tại vị trí khai thác để đánh giá chất lượng nguồn nước; số thông số quan trắc, giới hạn cho phép so sánh với QCVN 08-MT:2015/BTNMT cột A₂. Tần suất: 06 tháng/lần.

- 01 điểm sau bể chứa; số thông số quan trắc, giới hạn cho phép so sánh với QCVN 01-2009/BYT đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2021. Cụ thể: Chỉ tiêu mức độ A: 3 tháng/1 lần; chỉ tiêu mức độ B: 6 tháng/1 lần. Sau ngày 30 tháng 6 năm 2021 áp dụng Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt từ ngày 01 tháng 7 năm 2021.

5. Thực hiện trách nhiệm của cơ sở khai thác, sử dụng tài nguyên nước quy định tại điểm c, khoản 2 Điều 2; Điều 4, Điều 11 và Điều 16 Thông tư số 47/2017/TT-BTNMT ngày 07 tháng 11 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

6. Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và vận hành hệ thống cấp nước nhằm đáp ứng yêu cầu cung cấp nước ổn định, an toàn, liên tục và giảm thiểu thất thoát, lãng phí nước theo quy định tại khoản 1, Điều 40 Luật Tài nguyên nước. Có phương án khai thác nguồn nước khác để thay thế trong trường hợp xảy ra sự cố ô nhiễm nguồn nước sinh hoạt đang khai thác.

7. Chịu sự kiểm tra của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sơn La. Nếu có sự cố bất thường ảnh hưởng xấu tới chất lượng, trữ lượng và môi trường nước xung quanh, Công ty có trách nhiệm báo cáo kịp thời về cơ quan cấp phép và cơ quan chức năng ở địa phương để có biện pháp xử lý.

8. Hằng năm (trước ngày 30 tháng 01), tổng hợp báo cáo UBND tỉnh Sơn La (qua Sở Tài nguyên và Môi trường) về tình hình khai thác, sử dụng nước và các vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác, sử dụng.

9. Nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước cấp cho mục đích kinh doanh, dịch vụ.

Điều 3. Công ty cổ phần VBIC Sơn La được hưởng các quyền lợi hợp pháp theo quy định tại khoản 1, Điều 43 Luật Tài nguyên nước và quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chậm nhất chín mươi (90) ngày trước khi giấy phép hết hạn, nếu Công ty cổ phần VBIC Sơn La còn tiếp tục khai thác nước mặt như quy định tại Điều 1 của Giấy phép này thì phải làm thủ tục gia hạn giấy phép theo quy định./.

Nơi nhận:

- TT Tỉnh ủy (b/c);
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Cục Quản lý Tài nguyên nước - Bộ TN&MT;
- Các sở: TN&MT, NN&PTNT;
- Cục thuế tỉnh;
- UBND thành phố Sơn La;
- Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Công ty CP VBIC Sơn La;
- Lưu: VT - Hiệu 20 bản.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lò Minh Hùng

